

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 15-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh C – Phó Hiệu trưởng Trường THPT Số 1 Tuy Phước.
2. Ông Nguyễn Đình P – Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện TP

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Điện A – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Quảng Đình S (tên gọi khác: không; giới tính: Nam); sinh năm 1990 tại tỉnh BÐ; nơi cư trú: Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BÐ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Quảng Văn M, sinh năm 1969, mẹ: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo có nhược điểm về thể chất: Ông Quảng Văn M và bà Nguyễn Thị Bích T (là cha mẹ của bị cáo Quảng Đình S); cùng địa chỉ: Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BÐ, vắng mặt.

- Người bào chữa: Bà Lê Tôn Nữ Kim Y là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BÐ bào chữa cho bị cáo Quảng Đình S (là người bị khuyết tật), do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BÐ cử, mặt.

- Bị hại: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP, tỉnh BÐ, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Võ Thành L , sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn Mỹ Trung, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BD, vắng mặt.

Ông Quảng Văn M , sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BD, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh BD, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Văn M , sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP, tỉnh BD, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/4/2022, anh Bùi Văn D , sinh năm 1973, trú thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP, tỉnh BD thu mua rơm của một số người dân và tập kết tại gò đất thuộc thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP, tỉnh BD. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Quảng Đình S gọi điện thoại cho anh Duộc để mua rơm, anh Duộc hẹn Sỹ đến chiều mới có rơm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Duộc gom được 116 cuộn rơm tập kết tại gò đất thuộc thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP nên gọi điện thoại nói cho Sỹ biết là đã có rơm rồi đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Sỹ điện thoại để thuê ông Võ Thành L , sinh năm 1972, trú thôn Mỹ Trung, xã Phước Sơn, huyện TP chở rơm cho Sỹ, thì Lâm đồng ý. Sau đó, Sỹ nói ông Quảng Văn M (cha ruột Sỹ), sinh năm 1969, trú thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện TP đi bốc rơm giúp cho Sỹ. Sau đó, Lâm điều khiển xe ô tô tải biển số 77C-219.14 đến nhà Sỹ, Sỹ lên xe ô tô tải đi cùng với Lâm, còn ông Mau điều khiển xe mô tô biển số 77FB-7258 đi theo sau. Khi đến địa điểm tập kết rơm của ông Duộc ở gò đất thuộc thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP. Lúc này, Sỹ thấy rơm của ông Duộc không có ai trông coi và nghĩ đến món nợ mà ông Duộc chưa trả cho Sỹ nên Sỹ nảy sinh ý định trộm cắp số rơm này. Sỹ nói Lâm và ông Mau chất hết 116 cuộn rơm lên xe ô tô tải. Sau khi chất rơm xong thì Sỹ và Lâm chở đi bán cho ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1986 trú thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh BD lấy 4.000.000 đồng, còn ông Mau đi về nhà. Đến chiều 19/4/2022, ông Duộc phát hiện rơm bị mất nên báo cáo sự việc đến Công an xã Phước Quang.

Ngày 13/5/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện TP kết luận: 116 cuộn rơm khô, mỗi cuộn có hình trụ tròn, cao 70cm, đường kính 50cm, trị giá 3.480.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã thu giữ 116 cuộn rơm khô của ông Nguyễn Văn T và đã xử lý vật chứng trả lại cho ông Bùi Văn D . Quảng Đình S đã trả lại 4.060.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T . Ông Duộc và ông Thắng không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKS-TP ngày 12-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP truy tố bị cáo Quảng Đình S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Quảng Đình S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã nêu và các chứng cứ mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập. Bị cáo xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quảng Đình S phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Quảng Đình S từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

- Người bào chữa: Bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị áp dụng với bị cáo, nhưng theo người bào chữa, bị cáo thuộc đối tượng khuyết tật nặng, từ tháng 4 năm 2016 được Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện TP trợ cấp xã hội hàng tháng. Sau khi phạm tội đã nộp lại tài sản và đã trả lại 4.060.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, i, p, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Quảng Đình S nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, bị cáo xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố bảo đảm tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có nhược điểm về thể chất: Ông Quảng Văn M và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (là cha mẹ của bị cáo Quảng Đình S), bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra những người tham gia tố tụng này đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh

hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo Quảng Đình S là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại gò đất thuộc thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện TP, tỉnh BD, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 116 cuộn rơm khô của ông Bùi Văn D . Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện TP kết luận 116 cuộn rơm khô bị cáo trộm cắp có trị giá 3.480.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo bị khuyết tật nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú vẫn bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại là anh Bùi Văn D . Bị cáo đã trả lại 4.060.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T . Anh Duộc và anh Thắng không yêu cầu bồi thường nên Tòa không xét.

[7] Đối với anh Võ Thành L , ông Quảng Văn M và anh Nguyễn Văn T không biết bị cáo trộm cắp rơm của anh Bùi Văn D nên không phạm tội.

[8] Lời đề nghị của người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí, bị cáo Quảng Đình S được miễn nộp án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quảng Đình S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quảng Đình S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 02 năm 2023).

Giao bị cáo Quảng Đình S cho Ủy ban nhân dân Phước Sơn, huyện TP, tỉnh BD giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Quảng Đình S được miễn nộp án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BD;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BD;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP;
- Cơ quan THAHS Công an huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm T